

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8888/QĐ-UBND

Thanh Oai, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Giao bổ sung dự toán kinh phí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và các khoản chi cho con người theo chế độ cho các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 2185/UBND-NC ngày 14/7/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện quy định hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Văn bản số 3978/STC-QLNS ngày 04/7/2024 của Sở Tài chính về việc thực hiện mức lương cơ sở mới đối với cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/7/2024;

Căn cứ Văn bản số 5097/STC-QLNS ngày 23/8/2024 của Sở Tài chính Hà Nội hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Thanh Oai về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách huyện và phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2024;



Căn cứ Quyết định số 13268/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của huyện Thanh Oai;

Căn cứ Văn bản 1819/UBND-TCKH ngày 08/7/2024 của UBND huyện Thanh Oai về việc thực hiện mức lương cơ sở mới đối với cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/7/2024;

Căn cứ Văn bản số 2455/UBND-TCKH ngày 30/8/2024 của UBND huyện Thanh Oai về việc hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

Theo đề nghị của các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện năm 2024, sau khi rà soát hồ sơ và kiểm tra, phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Thanh Oai báo cáo UBND huyện về việc bổ sung dự toán kinh phí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và các khoản chi cho con người theo chế độ cho các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện năm 2024;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 1016/BC-TCKH ngày 25/12/2024 Về việc bổ sung dự toán kinh phí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và các khoản chi cho con người theo chế độ cho các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 cho:

Các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện.

- Tổng nhu cầu kinh phí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và các khoản chi cho con người theo chế độ cho các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện năm 2024: **14.019.639.000 đồng** (Mười bốn tỷ, không trăm mười chín triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn).

- Nguồn kinh phí:

+ Nguồn kinh phí đơn vị tự đảm bảo (từ 40% nguồn thu tự để lại thực hiện CCTL năm 2024): 123.663.000 đồng.

+ Nguồn kinh phí CCTL huyện cấp bổ sung cho các đơn vị thiếu nguồn: 13.895.976.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ số kinh phí được phê duyệt tại Điều 1, các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện chủ động sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương tại đơn vị và ngân sách huyện cấp bổ sung để thực hiện chi trả cho các đối tượng theo đúng chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số

24/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ và Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ; tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ; thanh quyết toán kịp thời, đảm bảo chế độ tài chính hiện hành.

Đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Thủ trưởng các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *Ng*

Nơi nhận: *oa*

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, TCKH (Ngân, 105). *oa*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bùi Văn Sáng
Bùi Văn Sáng



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI

TỔNG HỢP KINH PHÍ QUỸ TIỀN THƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NGÀY 30/6/2024 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CÁC KHOẢN CHỈ CHO CON NGƯỜI THEO CHẾ ĐỘ CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ THUỘC HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 8838 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên đơn vị	Số biên chế được giao	Biên chế có mặt tháng 7/2024	Hệ số lương, ngạch bậc tháng 7	Tổng hệ số lương, ngạch bậc 6 tháng cuối năm 2024	Tiền thường theo ND 73/2024/NĐ-CP 6 tháng cuối năm 2024	Nguyên kinh phí đơn vị (từ 40% nguồn thu tự để lại thực hiện CCTL năm 2024)	Nguyên kinh phí Huyện cấp bổ sung cho đơn vị thiếu nguồn
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng	2.433	2.272	8.241,76	49.450,54	11.571.425	-	11.571.425
	Mầm non	996	970	3.188,52	19.131,12	4.476.681	-	4.476.681
1	Mầm Non Cự Khê	71	64	206,45	1.238,70	289.856		289.856,00
2	Mầm Non Bích Hòa	43	42	139,46	836,76	195.802		195.802,00
3	Mầm Non Bình Minh I	47	47	155,88	935,28	218.856		218.856,00
4	Mầm Non Bình Minh II	32	32	105,61	633,66	148.276		148.276,00
5	Mầm Non Thanh Cao				-	-		0,00
6	Mầm Non Cao Viên	52	49	162,44	974,64	228.066		228.066,00
7	Mầm Non Cao Viên II				-	-		0,00
8	Mầm Non Tam Hưng A	45	43	147,75	886,50	207.441		207.441,00
9	Mầm Non Tam Hưng B	35	33	108,33	649,98	152.095		152.095,00
10	Mầm Non Thanh Thùy	52	50	161,82	970,92	227.195		227.195,00
11	Mầm Non Mỹ Hưng	39	38	125,99	755,94	176.890		176.890,00
12	Mầm Non Thanh Mai	47	47	152,87	917,22	214.629		214.629,00
13	Mầm Non Kim An	27	26	83,55	501,30	117.304		117.304,00
14	Mầm Non Kim Thư	35	34	111,80	670,80	156.967		156.967,00

TT	Tên đơn vị	Số biên chế được giao	Biên chế có mặt tháng 7/2024	Hệ số lương, ngạch bậc tháng 7	Tổng hệ số lương, ngạch bậc 6 tháng cuối năm 2024	Tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP 6 tháng cuối năm 2024	Nguồn kinh phí đơn vị (từ 40% nguồn thu tự để lại thực hiện CCTL năm 2024)	Nguồn kinh phí Huyện cấp bổ sung cho đơn vị thiếu nguồn
15	Mầm Non Phương Trung I	50	50	165,07	990,42	231.758		231.758,00
16	Mầm Non Phương Trung II	47	47	152,29	913,74	213.815		213.815,00
17	Mầm Non Cao Dương	37	36	114,16	684,96	160.281		160.281,00
18	Mầm Non Cao Dương II	37	37	121,89	731,34	171.134		171.134,00
19	Mầm Non Xuân Dương	39	39	129,12	774,72	181.284		181.284,00
20	Mầm Non Dân Hòa	50	50	172,10	1.032,60	241.628		241.628,00
21	Mầm Non Hồng Dương				-	-		0,00
22	Mầm Non Đỗ Động	37	35	115,31	691,86	161.895		161.895,00
23	Mầm Non Tân Ước	38	38	124,72	748,32	175.107		175.107,00
24	Mầm Non Thanh Văn	42	42	140,01	840,06	196.574		196.574,00
25	Mầm Non Liên Châu	43	40	127,52	765,12	179.038		179.038,00
26	Mầm Non Thị trấn Kim Bài	51	51	164,38	986,28	230.790		230.790,00
	Tiểu Học	769	707	2.658,98	15.953,86	3.733.204	-	3.733.204,00
1	Trường tiểu học Cự Khê	43	47	144,29	865,75	202.586		202.586,00
2	Trường tiểu học Bích Hòa	45	41	147,61	885,66	207.244		207.244,00
3	Trường tiểu học Bình Minh A	31	30	111,32	667,92	156.293		156.293,00
4	Trường tiểu học Bình Minh B	33	28	110,01	660,06	154.454		154.454,00
5	Trường tiểu học Thanh Cao	42	36	145,17	871,01	203.816		203.816,00
6	Trường tiểu học Cao viên I	35	28	106,21	637,26	149.119		149.119,00
7	Trường tiểu học Cao viên II	48	45	152,64	915,84	214.307		214.307,00
8	Trường tiểu học Tam Hưng	47	45	177,92	1.067,52	249.800		249.800,00
9	Trường tiểu học Thanh Thùy	36	34	126,20	757,18	177.181		177.181,00
10	Trường tiểu học Mỹ Hưng	35	30	115,30	691,80	161.881		161.881,00
11	Trường tiểu học Thanh Mai	38	31	121,76	730,56	170.951		170.951,00
12	Trường tiểu học Kim An	22	19	77,05	462,30	108.178		108.178,00
13	Trường tiểu học Kim Thư	27	24	88,30	529,80	123.973		123.973,00
14	Trường tiểu học Phương Trung I	37	33	134,43	806,58	188.740		188.740,00

TT	Tên đơn vị	Số biên chế được giao	Biên chế có mặt tháng 7/2024	Hệ số lương, ngạch bậc tháng 7	Tổng hệ số lương, ngạch bậc cuối năm 2024	Tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP 6 tháng cuối năm 2024	Nguồn kinh phí đơn vị tự đảm bảo (từ 40% nguồn thu tự để lại thực hiện CCTL năm 2024)	Nguồn kinh phí Huyện cấp bổ sung cho đơn vị thiếu nguồn
15	Trường tiểu học Phương Trung II	38	35	142,45	854,70	200.000		200.000,00
16	Trường tiểu học Cao Dương				-	-		0,00
17	Trường tiểu học Xuân Dương				-	-		0,00
18	Trường tiểu học Dân Hòa	39	39	159,75	958,50	224.289		224.289,00
19	Trường tiểu học Hồng Dương	46	46	175,09	1.050,54	245.826		245.826,00
20	Trường tiểu học Đỗ Động	26	25	82,78	496,68	116.223		116.223,00
21	Trường tiểu học Tân Ước	29	27	104,37	626,22	146.535		146.535,00
22	Trường tiểu học Thanh Văn				-	-		0,00
23	Trường tiểu học Liên Châu	35	30	108,17	649,02	151.871		151.871,00
24	Trường tiểu học Thị trấn Kim Bài	37	34	128,16	768,96	179.937		179.937,00
	THCS	668	595	2.394,26	14.365,56	3.361.540	0	3.361.540,00
1	Trung học cơ sở Cự Khê	38	29	122,74	736,44	172.327		172.327,00
2	Trung học cơ sở Bích Hòa				-	-		0,00
3	Trung học cơ sở Bình Minh	48	41	182,59	1.095,54	256.356		256.356,00
4	Trung học cơ sở Thanh Cao	36	31	139,13	834,78	195.339		195.339,00
5	Trung học cơ sở Cao Viên	71	60	232,90	1.397,40	326.992		326.992,00
6	Trung học cơ sở Tam Hưng	43	40	167,59	1.005,54	235.296		235.296,00
7	Trung học cơ sở Thanh Thùy	33	31	123,79	742,74	173.801		173.801,00
8	Trung học cơ sở Mỹ Hưng	30	27	112,47	674,82	157.908		157.908,00
9	Trung học cơ sở Thanh Mai	32	31	128,64	771,84	180.611		180.611,00
10	Trung học cơ sở Kim An	22	20	76,36	458,16	107.209		107.209,00
11	Trung học cơ sở Kim Thư				-	-		0,00
12	Trung học cơ sở Phương Trung	56	59	221,48	1.328,88	310.958		310.958,00
13	Trung học cơ sở Cao Dương	40	37	149,01	894,06	209.210		209.210,00
14	Trung học cơ sở Xuân Dương	25	22	86,61	519,66	121.600		121.600,00
15	Trung học cơ sở Nguyễn Đức Lương	38	35	134,53	807,18	188.880		188.880,00
16	Trung học cơ sở Hồng Dương	46	43	163,48	980,88	229.526		229.526,00

